CTCP Địa ốc Chợ Lớn (HNX: RCL)

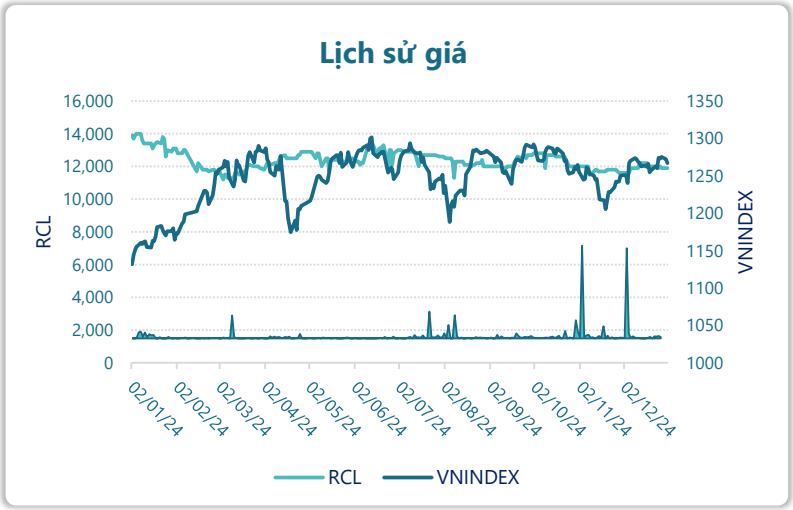

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
SL cổ phiếu LH	13,858,714
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,080
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
P/E	92.3
EPS	129

DT thuần

Q4/24

4.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.12| 81.1%

YoY: ▼1.68| -26.3%

LN sau thuế

Q4/24

0.86

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.51| 145%

YoY: ▲ 0.77| 854%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

14.4%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

2024

14.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.30| 10.0%

LN sau thuế

2024

1.79

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.63| 54.0%

ROE

2024

0.6%

+/- YoY: ▲ 0.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

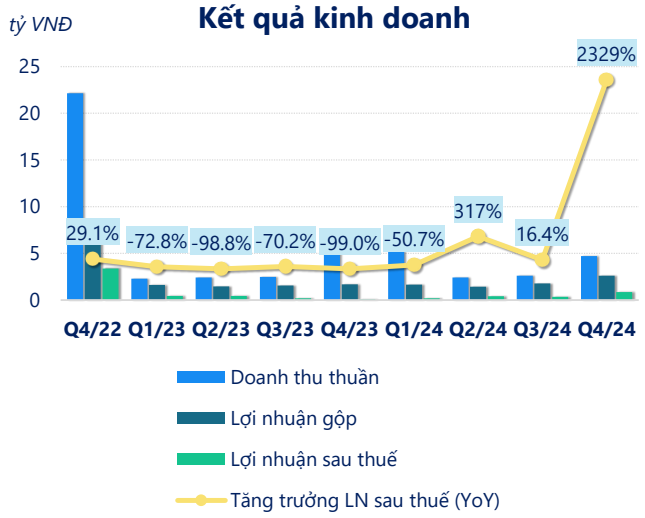

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

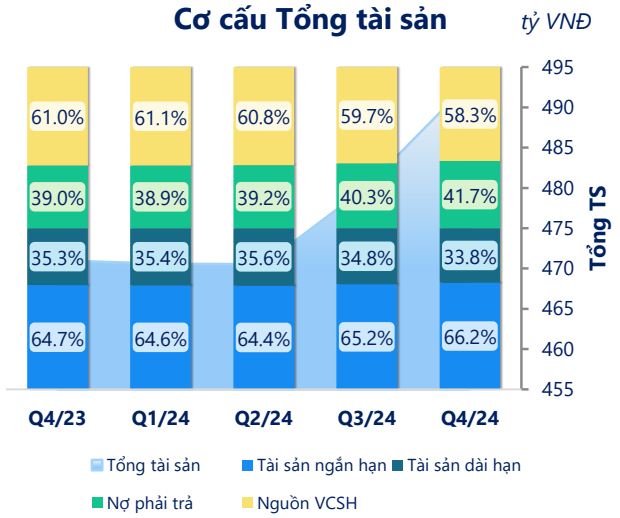

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

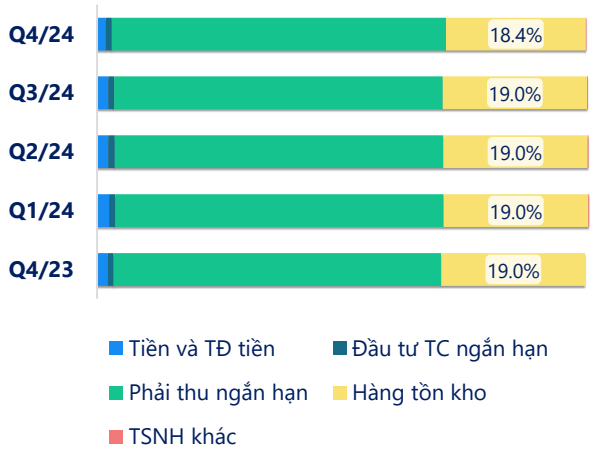

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

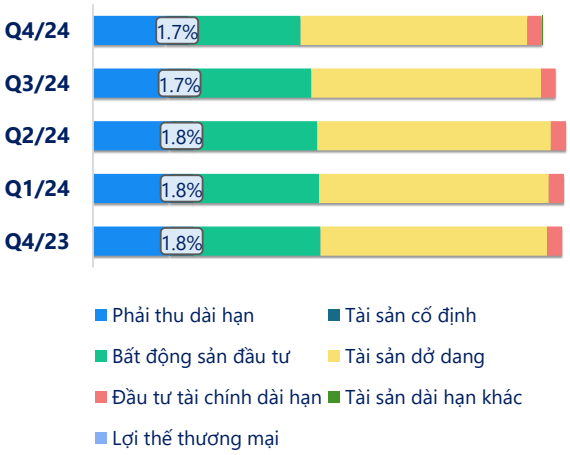

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

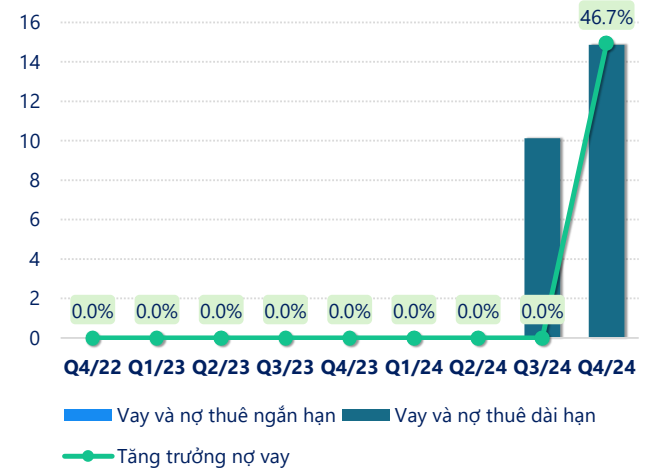

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

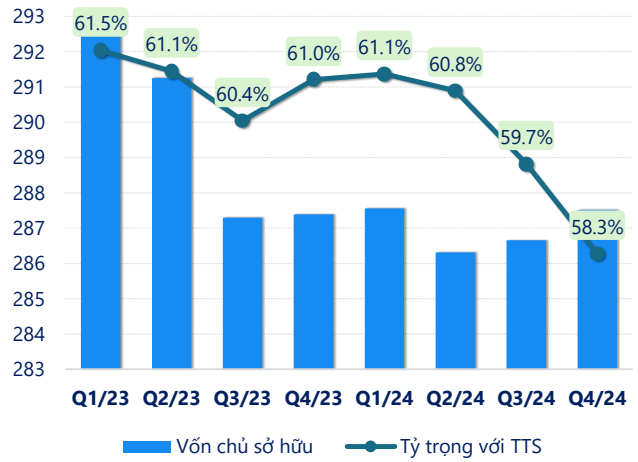

(Nguồn: fireant.vn)

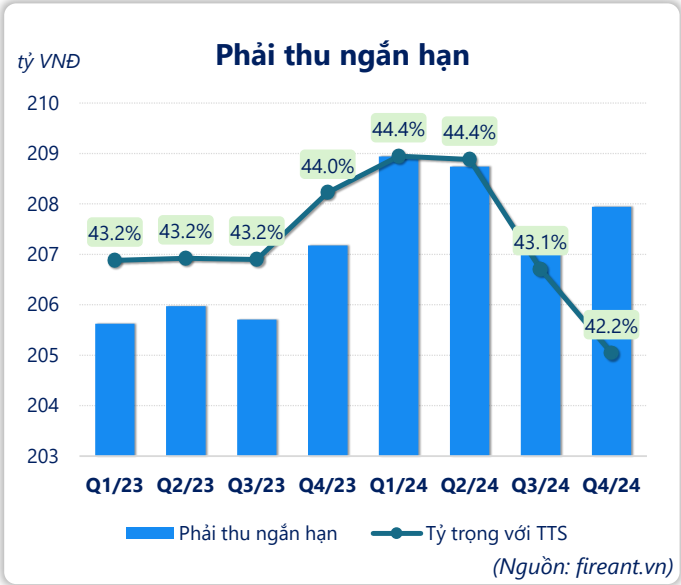
Phải thu ngắn hạn
tỷ VNĐ
210
209
208
207
206
205
204
203
43.2%
43.2%
43.2%
44.0%
44.4%
44.4%
43.1%
42.2%
Q1/23
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Phải thu ngắn hạn
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

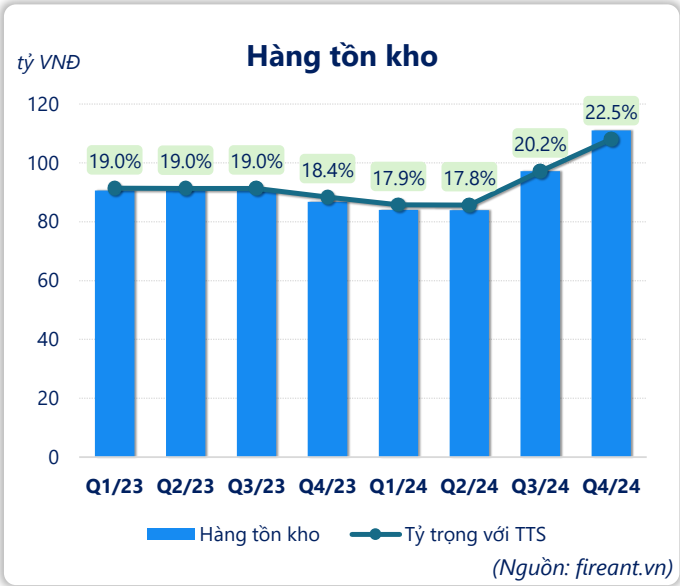
Hàng tồn kho
tỷ VNĐ
120
100
80
60
40
20
0
19.0%
19.0%
19.0%
18.4%
17.9%
17.8%
20.2%
22.5%
Q1/23
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Hàng tồn kho
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

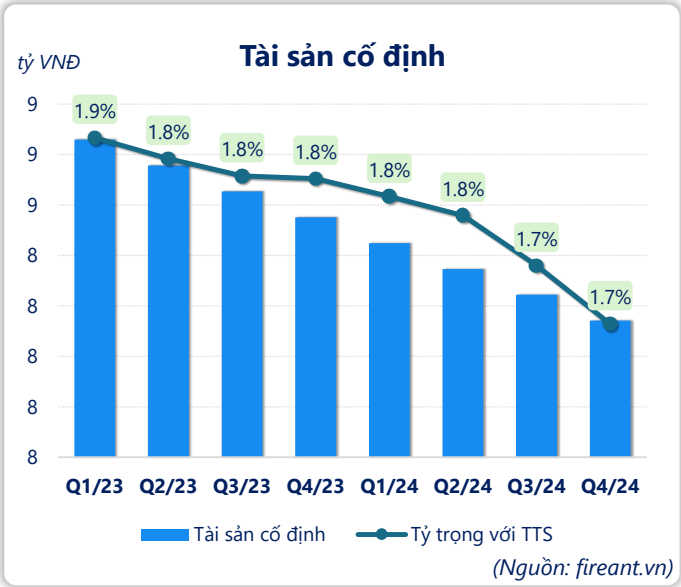
Tài sản cố định
tỷ VNĐ
9
9
9
8
8
8
8
8
1.9%
1.8%
1.8%
1.8%
1.8%
1.8%
1.7%
1.7%
Q1/23
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Tài sản cố định
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

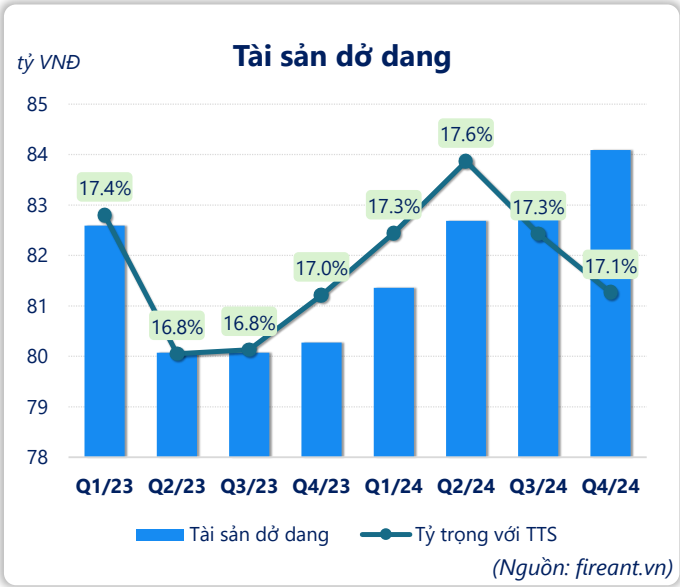
Tài sản dở dang
tỷ VNĐ
85
84
83
82
81
80
79
78
17.4%
16.8%
16.8%
17.0%
17.3%
17.6%
17.3%
17.1%
Q1/23
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Tài sản dở dang
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

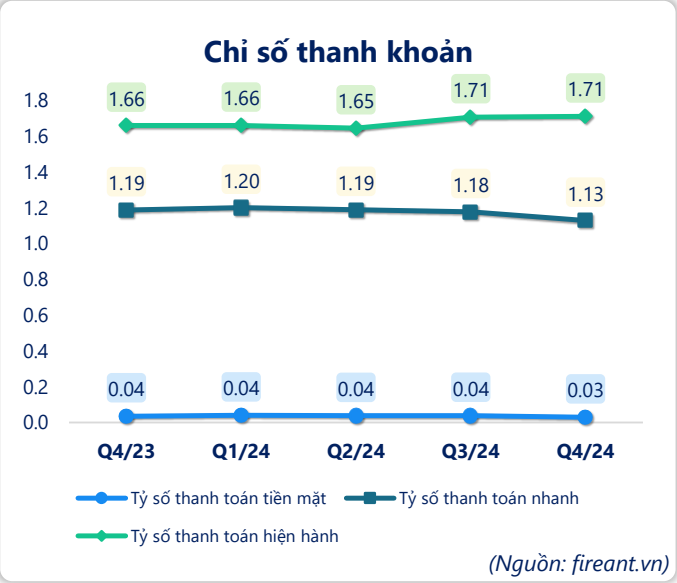
Chỉ số thanh khoản
1.8
1.6
1.4
1.2
1.0
0.8
0.6
0.4
0.2
0.0
1.66
1.66
1.65
1.71
1.71
1.19
1.20
1.19
1.18
1.13
0.04
0.04
0.04
0.04
0.03
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Tỷ số thanh toán tiền mặt
Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành
(Nguồn: fireant.vn)

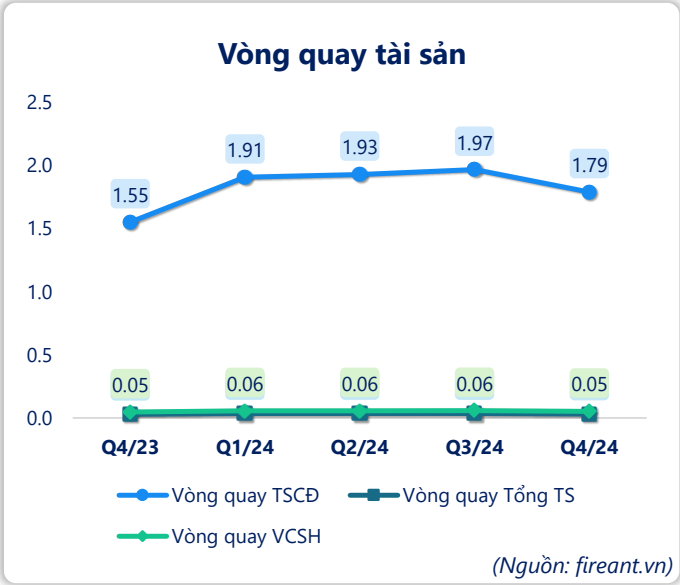
Vòng quay tài sản
2.5
2.0
1.5
1.0
0.5
0.0
1.55
1.91
1.93
1.97
1.79
0.05
0.06
0.06
0.06
0.05
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Vòng quay TSCĐ
Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**471**	**471**	**471**	**480**	**493**
Tài sản ngắn hạn	**305**	**304**	**303**	**313**	**326**
Tiền và tương đương tiền	6.55	7.37	6.96	7.06	5.59
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.83	2.93	2.88	0	0
Phải thu ngắn hạn	207	209	209	207	208
Hàng tồn kho	86.8	84.1	84.0	97.2	111
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.58	0.56	1.74	1.82
Tài sản dài hạn	**166**	**167**	**167**	**167**	**167**
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	27.2	27.2	27.2
Tài sản cố định	8.55	8.45	8.35	8.24	8.14
Bất động sản đầu tư	44.9	44.4	43.9	43.4	41.7
Tài sản dở dang	80.3	81.4	82.7	83.0	84.1
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.33	5.33	5.33	5.33
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**184**	**183**	**184**	**193**	**206**
Nợ ngắn hạn	**184**	**183**	**184**	**183**	**191**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.73	2.92	3.21	2.57	10.1
Nợ dài hạn	0	0	0	10.1	14.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	10.1	14.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**287**	**288**	**286**	**287**	**288**
Vốn chủ sở hữu	**287**	**288**	**286**	**287**	**288**
Vốn điều lệ	139	139	139	139	139
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)